

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06 /2011/QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày 25 tháng 01 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh giá số 40/2002/PL-UBTVQH ngày 26/4/2002 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá;

Căn cứ Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09/6/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi; bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá;

Căn cứ Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13/11/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá và Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09/6/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi; bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá;

Căn cứ Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12/8/2010 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13/11/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá và Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09/6/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi; bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 03/STC-GCS ngày 04/01/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền công bố áp dụng các biện pháp bình ổn giá theo quy định của pháp luật khi giá thị trường trong nước của hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục hàng hoá, dịch vụ thực hiện bình ổn giá có biến động bất thường xảy ra thuộc ít nhất một trong các trường hợp sau:

a) Giá tăng cao hơn so với mức tăng giá của các yếu tố “đầu vào”, hoặc cao hơn so với giá vốn hàng nhập khẩu do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tính toán các yếu tố hình thành giá (chi phí sản xuất, giá thành, chi phí lưu thông, lợi nhuận, v.v.) không đúng với các chế độ chính sách, định mức kinh tế - kỹ thuật và quy chế tính giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Giá giảm thấp hơn không hợp lý so với chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm được tính toán theo các chế độ chính sách, định mức kinh tế - kỹ thuật và quy chế tính giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

b) Giá tăng hoặc giảm không có căn cứ, trong khi các yếu tố hình thành giá không có biến động trong các trường hợp xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, dịch họa, khủng hoảng kinh tế - tài chính, mất cân đối cung - cầu tạm thời hoặc do các tin đồn thất thiệt không có căn cứ về việc tăng giá hoặc giảm giá.

c) Giá tăng hoặc giảm không hợp lý do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh lạm dụng vị thế độc quyền, thống lĩnh thị trường, liên kết độc quyền về giá theo quy định của Luật Cạnh tranh và pháp luật có liên quan.

3. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định và công bố áp dụng các biện pháp bình ổn giá theo quy định tại khoản 3, Điều 1, Nghị định số 75/2008/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Các biện pháp theo thẩm quyền để điều hòa cung cầu hàng hóa, dịch vụ;

b) Các biện pháp tài chính, tiền tệ theo quy định của pháp luật;

c) Đăng ký giá, kê khai giá: thực hiện theo quy định tại khoản 10, Điều 1, Nghị định số 75/2008/NĐ-CP của Chính phủ, quy định tại Điều 7 và Điều 8 Thông tư số 122/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính và quy định tại Điều 3, Mục 1 Thông tư liên tịch số 129/2010/TT-BTC-BGTVT của Liên Bộ Tài chính - Giao thông Vận tải;

d) Công khai thông tin về giá theo quy định tại khoản 10, Điều 1, Nghị định số 75/2008/NĐ-CP và quy định tại Điều 4 Mục 1 Thông tư liên tịch số 129/2010/TT-BTC-BGTVT của Liên Bộ Tài chính - Giao thông Vận tải;

e) Các biện pháp về kinh tế, hành chính khác theo thẩm quyền bao gồm:

- Quyết định đình chỉ thực hiện mức giá hàng hóa, dịch vụ do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh đã quyết định không hợp lý so với các quy định hiện hành và yêu cầu thực hiện mức giá cũ liền kề trước khi có biến động bất thường;

- Phạt cảnh cáo, phạt tiền theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá và các quy định của pháp luật có liên quan; thu

phần chênh lệch giá do các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tăng giá bất hợp lý vào Ngân sách nhà nước;

- Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, các loại giấy phép kinh doanh của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh được cấp có thời hạn hoặc không có thời hạn theo quy định của pháp luật;

- Quyết định tổ chức các đoàn kiểm tra, kiểm soát các yếu tố hình thành giá; kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định của Nhà nước về quản lý giá, kiểm tra việc niêm yết giá và bán hàng hóa, dịch vụ theo đúng giá do cơ quan có thẩm quyền quy định, theo giá đăng ký, giá kê khai và giá niêm yết; xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá theo quy định của pháp luật;

- Quyết định biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giảm giá thành sản phẩm; các biện pháp kinh tế, kỹ thuật hỗ trợ sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về giá trong việc thực hiện bình ổn giá

1. Trách nhiệm của Sở Tài chính:

Đối với hàng hoá, dịch vụ thực hiện bình ổn giá thuộc thẩm quyền quyết định và công bố áp dụng các biện pháp bình ổn giá của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ Tài chính hoặc của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Tài chính có trách nhiệm:

- a) Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kịp thời kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá do Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định; kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh quyết định và công bố áp dụng các biện pháp bình ổn giá theo thẩm quyền thực hiện tại địa phương.

- b) Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện kiểm soát các yếu tố hình thành giá đối với các mặt hàng thuộc thẩm quyền theo quy định tại khoản 10, Điều 1, Nghị định số 75/2008/NĐ-CP, quy định tại Điều 6 Thông tư số 122/2010/TT-BTC và theo chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Tài chính; thực hiện kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giá và các quy định khác của pháp luật có liên quan như: kiểm tra việc niêm yết giá, bán hàng hóa và dịch vụ theo giá do cơ quan có thẩm quyền quy định, theo giá niêm yết; việc đăng ký giá, kê khai giá, công khai thông tin về giá đối với loại hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải đăng ký giá, kê khai giá (theo thẩm quyền), phát hiện và xử lý kịp thời đối với các hành vi vi phạm theo quy định của Pháp lệnh Giá và các quy định của pháp luật có liên quan; kiểm tra việc chấp hành các biện pháp bình ổn giá.

- c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan: Sở Công Thương, Cục Thuế, Cục Hải quan, Công an tỉnh... kiểm tra, thanh tra và xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật hiện hành đối với các hiện tượng độc quyền, liên minh độc quyền, cạnh tranh không đúng pháp luật về giá, lợi dụng

chủ trương điều hành giá của Nhà nước, lợi dụng sự biến động của thị trường, tình hình thiên tai, dịch bệnh để tăng giá, ép giá bất hợp lý.

d) Kịp thời báo cáo Bộ Tài chính, UBND tỉnh về tình hình tổ chức thực hiện, bình ổn giá do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Chủ tịch UBND tỉnh quyết định và công bố áp dụng trên địa bàn tỉnh.

2. Trách nhiệm của Cục Hải quan:

Định kỳ hàng tháng và khi có yêu cầu đột xuất của cơ quan có thẩm quyền quyết định việc thực hiện bình ổn giá, Cục Hải quan có trách nhiệm gửi bản thống kê giá hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu về Sở Tài chính tại địa bàn địa phương mà cơ quan Hải quan phụ trách.

Điều 4. Trách nhiệm của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh

1. Doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh khi kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục thực hiện bình ổn giá có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bình ổn giá do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định theo quy định của Nghị định số 75/2008/NĐ-CP và Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12/8/2010 của Bộ Tài chính.

2. Khi cần thiết, theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh phải báo cáo: chi phí sản xuất và các yếu tố hình thành giá, giá thành, giá bán hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá, đăng ký giá, kê khai giá.

Chương III

LẬP, TRÌNH, THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN GIÁ, QUYẾT ĐỊNH GIÁ

Điều 5. Thẩm quyền quyết định giá tài sản, hàng hoá, dịch vụ của UBND tỉnh

Tài sản, hàng hoá, dịch vụ do UBND tỉnh quyết định giá bao gồm:

1. Giá cước vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt do Nhà nước tổ chức đấu thầu cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách trong đô thị, khu công nghiệp;

2. Giá bán báo của cơ quan ngôn luận Đảng bộ Đảng cộng sản Việt Nam tỉnh Đồng Nai khi có quyết định của Nhà nước về việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách Nhà nước;

3. Giá các loại đất trên địa bàn tỉnh sau khi thông qua HĐND tỉnh.

4. Giá cho thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh;

5. Giá rừng, giá cho thuê các loại rừng trên địa bàn tỉnh;

6. Giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước cho các đối tượng tái định cư, đối tượng chính sách; giá bán hoặc giá cho thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước để làm việc hoặc sử dụng vào mục đích khác; giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội; giá cho thuê nhà ở công vụ;

7. Giá bán lẻ điện sinh hoạt tại khu vực nông thôn, miền núi mà việc đầu tư và hoạt động điện lực không có hiệu quả kinh tế nhưng không được cao hơn biểu giá bán lẻ điện do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

8. Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hoá thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chỉ từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hoá, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa;

9. Giá nước sạch cho sinh hoạt, cho các mục đích sử dụng khác;

10. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích được sản xuất theo đặt hàng, giao kế hoạch; giá hàng hoá, dịch vụ được sản xuất theo đặt hàng của Nhà nước thuộc ngân sách địa phương thực hiện theo phương thức lựa chọn nhà thầu là chỉ định thầu, tự thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu và không qua hình thức đấu giá;

11. Giá bồi thường tài sản khi Nhà nước thu hồi đất;

12. Viện phí và dịch vụ khám chữa bệnh tại các bệnh viện, cơ sở y tế của Nhà nước thuộc tỉnh, huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

13. Giá nước thô.

Điều 6. Quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị đối với tài sản, hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của UBND tỉnh

1. Sở Tài chính lập phương án giá trình UBND tỉnh quyết định sau khi thống nhất với các Sở, ngành có liên quan, gồm:

a) Giá bồi thường tài sản (đối với những tài sản không thuộc điểm b, d khoản 2 Điều này) khi Nhà nước thu hồi đất.

b) Giá cho thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh.

2. Các Sở, ngành xây dựng phương án giá trình UBND tỉnh quyết định sau khi có ý kiến của các đơn vị liên quan và ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính, gồm:

a) Sở Giao thông Vận tải: Giá cước vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt trong đô thị, khu công nghiệp do Nhà nước tổ chức đấu thầu hoặc đặt hàng cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách; mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hoá thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chỉ từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hoá, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa.

b) Sở Xây dựng: Giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước cho các đối tượng tái định cư, đối tượng chính sách; giá bán hoặc giá cho thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước để làm việc hoặc sử dụng vào mục đích khác; giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội; giá cho thuê nhà ở công vụ; đơn giá xây dựng nhà ở, vật kiến trúc

khác để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, để định giá trong các nghiệp vụ kinh tế khác.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường: Giá các loại đất trên địa bàn tỉnh.

d) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Giá rừng, giá cho thuê các loại rừng trên địa bàn tỉnh; giá các loại cây trồng nông nghiệp để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

e) Sở Công Thương: Giá bán lẻ điện sinh hoạt tại khu vực nông thôn, miền núi mà việc đầu tư và hoạt động điện lực không có hiệu quả kinh tế nhưng không được cao hơn biểu giá bán lẻ điện do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

f) Sở Y tế: Viện phí và dịch vụ khám chữa bệnh tại các bệnh viện, cơ sở y tế của Nhà nước thuộc tỉnh, huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

3. Các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ: Xây dựng phương án giá trình UBND tỉnh sau khi có ý kiến của Sở chuyên ngành, các đơn vị có liên quan và ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính, gồm:

a) Giá bán báo của cơ quan ngôn luận Đảng bộ Đảng cộng sản Việt Nam tỉnh Đồng Nai khi có quyết định của Nhà nước về việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước.

b) Mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển.

c) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích được sản xuất theo đặt hàng, giao kế hoạch; giá hàng hoá, dịch vụ được sản xuất theo đặt hàng của Nhà nước thuộc ngân sách địa phương thực hiện theo phương thức lựa chọn nhà thầu là chỉ định thầu, tự thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu và không qua hình thức đấu giá.

d) Giá nước sạch cho sinh hoạt, cho các mục đích sử dụng khác.

e) Giá nước thô tại mục 5, 7, 8 Biểu mức thu tiền nước quy định tại khoản 1, Điều 1 Nghị định số 115/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

Điều 7. Hội đồng định giá

Trường hợp cần thiết, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập Hội đồng định giá cấp tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa quyết định thành lập Hội đồng định giá cấp huyện để định giá tài sản, hàng hoá, dịch vụ theo quy định của pháp luật. Chủ tịch Hội đồng định giá là cơ quan Tài chính cùng cấp, các ủy viên là các ngành, địa phương, đơn vị có liên quan.

Điều 8. Điều chỉnh mức giá do Nhà nước định giá

1. Khi các yếu tố hình thành giá trong nước và thế giới có biến động ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống, các cơ quan, đơn vị kịp thời lập phương án điều chỉnh giá (theo Điều 6 Quy định này) trình UBND tỉnh quyết định. Trường hợp không điều chỉnh giá thì áp dụng các biện pháp tài chính, tiền tệ và các biện pháp cần thiết khác để đảm bảo cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hoạt động được bình thường và bảo đảm lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng.

2. Tổ chức, cá nhân có quyền kiến nghị UBND tỉnh điều chỉnh mức giá theo quy định của pháp luật. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh những hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá khi kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giá thì phải nêu rõ lý do và cơ sở xác định mức giá đề nghị điều chỉnh.

3. Chậm nhất là 15 ngày (ngày làm việc), kể từ ngày nhận được kiến nghị của tổ chức, cá nhân thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền định giá phải xem xét, điều chỉnh giá trong thời hạn quy định tại Điều 10 của Quy định này; trường hợp không chấp nhận kiến nghị điều chỉnh giá thì phải trả lời cho tổ chức, cá nhân bằng văn bản.

Điều 9. Hồ sơ phương án giá và nội dung phương án giá

1. Hồ sơ phương án giá hoặc điều chỉnh giá (sau đây gọi chung là hồ sơ phương án giá) bao gồm:

- a) Công văn đề nghị cơ quan có thẩm quyền định giá, điều chỉnh giá.
- b) Bản giải trình phương án giá (bảng tổng hợp cơ cấu tính giá theo các yếu tố hình thành giá và thuyết minh về cơ cấu tính giá đó).
- c) Văn bản tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan liên quan (kèm theo bản sao ý kiến của các cơ quan theo quy định).
- d) Văn bản thẩm định phương án giá của các cơ quan có chức năng thẩm định theo quy định.
- e) Các tài liệu liên quan khác.

2. Nội dung bản giải trình phương án giá bao gồm:

a) Sự cần thiết và các mục tiêu phải định giá hoặc điều chỉnh giá (tình hình sản xuất, kinh doanh của hàng hoá, dịch vụ cần định giá hoặc điều chỉnh giá; diễn biến giá cả thị trường trong nước và thế giới; sự cần thiết phải thay đổi giá...).

b) Các căn cứ định giá hoặc điều chỉnh giá (các văn bản quy phạm pháp luật liên quan).

c) Bảng tính toán giá thành hàng hóa, dịch vụ (nếu sản xuất trong nước), giá vốn nhập khẩu (nếu là hàng hóa nhập khẩu); giá bán hàng hoá, dịch vụ, cơ cấu các mức giá kiến nghị phải thực hiện theo Quy chế tính giá do Bộ Tài chính quy định. Trường hợp hàng hóa, dịch vụ có Quy chế tính giá cụ thể riêng do cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật thì tính giá theo Quy chế đó.

- So sánh các yếu tố hình thành giá, mức giá của phương án giá đề nghị với các yếu tố hình thành giá, mức giá của phương án giá được duyệt lần trước liền kề; nêu rõ nguyên nhân tăng (+), giảm (-).

- So sánh mức giá đề nghị với mức giá hàng hóa, dịch vụ tương tự ở thị trường trong nước và thị trường của một số nước trong khu vực (nếu có) theo phương pháp tính giá quy định tại Quy chế tính giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

d) Tác động của mức giá mới đối với hoạt động của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh khác đến ngân sách nhà nước, tác động đến đời sống, xã hội, thu nhập của người tiêu dùng.

e) Các biện pháp tổ chức triển khai thực hiện mức giá mới.

3. Hồ sơ phương án giá gửi cơ quan thẩm định: Thực hiện theo mẫu thống nhất tại phụ lục số 3 kèm theo Quy định này.

Điều 10. Thời hạn thẩm định phương án giá và quyết định giá

1. Sở Tài chính thẩm định phương án giá quy định tại Điều 6 Quy định này phải có ý kiến thẩm định bằng văn bản về nội dung phương án giá chậm nhất là 07 ngày (ngày làm việc), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phương án giá theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Kể từ ngày nhận được phương án giá đã có ý kiến của cơ quan có liên quan và văn bản thẩm định của Sở Tài chính, thời hạn quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh tối đa không quá 10 ngày.

3. Trường hợp cần thiết phải kéo dài thêm thời gian thẩm định phương án giá, quyết định giá thì Sở Tài chính (cơ quan thẩm định phương án giá) và UBND tỉnh (cơ quan quyết định giá) phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do phải kéo dài cho cơ quan trình phương án giá biết; thời gian kéo dài không quá 15 ngày.

Chương IV THẨM ĐỊNH GIÁ

Điều 11. Tài sản của Nhà nước phải thẩm định giá

1. Tài sản của Nhà nước phải thẩm định giá bao gồm:

a) Tài sản được mua bằng toàn bộ hoặc một phần từ nguồn ngân sách Nhà nước;

b) Tài sản của Nhà nước cho thuê, chuyển nhượng, bán, góp vốn và các hình thức chuyển quyền khác;

c) Tài sản của Doanh nghiệp Nhà nước cho thuê, chuyển nhượng, bán, góp vốn, cổ phần hoá, giải thể và các hình thức chuyển đổi khác;

d) Tài sản khác của Nhà nước theo quy định của pháp luật phải thẩm định giá.

2. Tài sản của Nhà nước tại khoản 1 Điều này có giá trị dưới đây phải thẩm định giá:

a) Có giá trị đơn chiếc từ 100 triệu đồng trở lên hoặc mua một lần cùng một loại tài sản với số lượng lớn có tổng giá trị từ 100 triệu đồng trở lên đối với tài sản được mua bằng toàn bộ hoặc một phần từ nguồn ngân sách Nhà nước;

Tài sản có giá trị dưới 100 triệu đồng không phải thẩm định giá nhưng đơn vị phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lý của giá cả và chất lượng tài sản mua sắm.

b) Có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên đối với tài sản của Nhà nước cho thuê, chuyển nhượng, bán, góp vốn và các hình thức chuyển quyền khác.

c) Có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên đối với tài sản của doanh nghiệp Nhà nước cho thuê, chuyển nhượng, bán, góp vốn, cổ phần hoá, giải thể và các hình thức chuyển đổi khác;

d) Có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên đối với các tài sản khác của Nhà nước.

3. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị sử dụng nguồn ngân sách Nhà nước mua sắm tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều này nếu không qua đấu thầu hoặc qua Hội đồng định giá được thành lập theo qui định của pháp luật thì phải thực hiện thẩm định giá.

4. Tài sản của Nhà nước phải thẩm định giá quy định tại Điều 13 Pháp lệnh Giá đã qua đấu thầu hoặc qua Hội đồng định giá được thành lập theo quy định của pháp luật thì không phải thẩm định giá; việc thẩm định giá các tài sản hình thành từ nguồn vốn khác thực hiện theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước, tổ chức, cá nhân có nhu cầu thẩm định giá.

Điều 12. Giá dịch vụ thẩm định giá

1. Giá dịch vụ thẩm định giá

a) Giá dịch vụ thẩm định giá được xác định theo sự thỏa thuận giữa doanh nghiệp thẩm định giá với khách hàng.

b) Giá dịch vụ thẩm định giá đối với tài sản nhà nước có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước do ngân sách nhà nước trang trải áp dụng theo hình thức đấu thầu cung cấp dịch vụ. Việc chọn doanh nghiệp thẩm định giá qua đấu thầu cung cấp dịch vụ thẩm định giá theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Các tài sản Nhà nước phải thẩm định giá quy định tại Điều 12 Quy định này. Giá dịch vụ thẩm định giá do ngân sách nhà nước trang trải áp dụng như sau:

a) Đối với tài sản của Nhà nước có giá trị theo sổ kế toán hoặc giá dự toán từ 30 tỷ đồng trở lên; hoặc gói thầu dịch vụ thẩm định giá có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên phải thực hiện hình thức đấu thầu cung cấp dịch vụ thẩm định giá.

b) Đối với tài sản của Nhà nước có giá trị theo sổ kế toán hoặc giá dự toán dưới 30 tỷ đồng; hoặc các gói thầu dịch vụ thẩm định giá có giá trị dưới 100 triệu đồng thì cơ quan nhà nước có tài sản phải thẩm định giá có thể tổ chức đấu thầu hoặc chỉ định thầu cung cấp dịch vụ thẩm định giá.

Chương V **HIỆP THƯƠNG GIÁ**

Điều 13. Điều kiện tổ chức hiệp thương giá

Việc tổ chức hiệp thương giá được thực hiện đối với các hàng hoá, dịch vụ đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Hàng hoá, dịch vụ không thuộc danh mục do Nhà nước định giá;
2. Hàng hoá, dịch vụ quan trọng được sản xuất, cung ứng trong điều kiện đặc thù, có tính độc quyền mua, độc quyền bán và các bên mua, bán phụ thuộc lẫn nhau không thể thay thế được, thị trường cạnh tranh hạn chế;
3. Theo đề nghị của một trong hai bên mua, bán khi các bên này không thỏa thuận được giá mua, giá bán để ký hợp đồng.

Điều 14. Thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá

1. Sở Tài chính tổ chức hiệp thương giá đối với hàng hoá, dịch vụ đáp ứng yêu cầu tại Điều 14 Quy định này, có phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh hoặc theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Việc hiệp thương giá đối với hàng hoá, dịch vụ cụ thể mà pháp luật chuyên ngành có quy định thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành đó và quy định tại Quy định này.

Điều 15. Hồ sơ và thủ tục hiệp thương giá

1. Hồ sơ hiệp thương giá

1.1. Văn bản chỉ đạo yêu cầu hiệp thương giá của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc văn bản đề nghị hiệp thương giá của một trong hai (hoặc cả hai) bên mua và bên bán hàng hoá, dịch vụ cần phải hiệp thương giá gửi cơ quan có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá.

1.2. Phương án giá hiệp thương:

a) Bên bán phải hiệp thương giá bắt buộc theo chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền hoặc chính bên bán đề nghị hiệp thương giá thì bên bán phải lập phương án giá hiệp thương gửi cơ quan có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá giải trình những nội dung sau:

- Tình hình sản xuất - tiêu thụ, xuất - nhập khẩu, cung - cầu của hàng hoá, dịch vụ;

- Phân tích mức giá đề nghị hiệp thương: So sánh với giá hàng hoá, dịch vụ tương tự trên thị trường:

+ Các căn cứ tính giá.

+ Lập bảng tổng hợp cơ cấu tính giá theo các yếu tố hình thành giá, phân tích thuyết minh cơ cấu tính giá (có phân tích, so sánh với cơ cấu hình thành giá trước khi được yêu cầu hoặc đề nghị hiệp thương giá; nêu rõ nguyên nhân tăng (+), giảm (-)).

+ Phân tích tác động của mức giá mới đến hiệu quả sản xuất, kinh doanh; thu nhập của người lao động trong doanh nghiệp và việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

+ Những vấn đề mà bên bán chưa thống nhất được với bên mua, lập luận của bên bán về những vấn đề chưa thống nhất.

+ Các kiến nghị (nếu có).

b) Bên mua phải hiệp thương giá bắt buộc theo chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền hoặc chính bên mua đề nghị hiệp thương giá thì bên mua phải lập phương án giá hiệp thương gửi cơ quan có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá giải trình những nội dung sau:

- Lập bảng tổng hợp cơ cấu tính giá theo các yếu tố hình thành giá của hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất ra tính theo giá đầu vào mới: Theo giá mà bên mua dự kiến đề nghị mua của bên bán và bảng tổng hợp cơ cấu tính giá theo các yếu tố hình thành giá nếu bên mua phải mua theo giá của bên bán dự kiến để bên mua trực tiếp bán lại cho người tiêu dùng. Thuyết minh cơ cấu tính giá (có phân tích, so sánh với mức giá đầu vào trước khi được yêu cầu hoặc đề nghị hiệp thương giá).

- So sánh với giá hàng hóa, dịch vụ tương tự trên thị trường.

- Phân tích tác động của mức giá mới đến hiệu quả sản xuất, kinh doanh, thu nhập của người lao động trong doanh nghiệp, việc thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, khả năng chấp nhận của người tiêu dùng.

- Những vấn đề mà bên mua chưa thống nhất với bên bán, lập luận của bên mua về những vấn đề chưa thống nhất đó.

- Các kiến nghị khác (nếu có).

1.3. Khi có chỉ đạo hiệp thương giá bắt buộc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền thì cả hai bên mua và bán đều phải lập hồ sơ hiệp thương giá theo hướng dẫn trên.

1.4. Hồ sơ hiệp thương giá thực hiện theo mẫu thống nhất tại Phụ lục IV kèm theo Quy định này và do bên mua hoặc bên bán lập theo quy định tại Điều này, gửi trước cho cơ quan có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá ít nhất 03 (ba) bộ và đồng gửi 01 (một) bộ cho bên đối tác mua (hoặc bên đối tác bán).

2. Thủ tục và trình tự hiệp thương giá

2.1. Sở Tài chính là cơ quan có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 75/2008/NĐ-CP.

2.2. Thành phần tham gia tổ chức hiệp thương giá hàng hoá, dịch vụ bao gồm: Sở Tài chính; đại diện có thẩm quyền của bên mua, bên bán và cơ quan có liên quan theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá.

2.3. Trình tự hiệp thương giá:

a) Sau khi nhận được hồ sơ hiệp thương giá, chậm nhất sau 05 (năm) ngày làm việc, nếu hồ sơ hiệp thương giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh chưa thực hiện đầy đủ theo quy định, Sở Tài chính có văn bản yêu cầu các bên tham gia hiệp thương giá thực hiện đúng quy định.

b) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ khi nhận được đủ hồ sơ hiệp thương giá hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Sở Tài chính phải tổ chức hiệp thương giá.

c) Tại Hội nghị hiệp thương giá:

- Sở Tài chính trình bày mục đích, yêu cầu, nội dung hiệp thương giá; yêu cầu bên mua, bên bán trình bày hồ sơ, phương án hiệp thương giá; đồng thời nghe ý kiến của các cơ quan có liên quan tham gia hiệp thương giá.

- Sở Tài chính kết luận và ghi biên bản (có chữ ký của cơ quan tổ chức hiệp thương giá, đại diện bên mua, đại diện bên bán), sau đó có văn bản thông báo kết quả hiệp thương giá để hai bên mua và bán thi hành.

d) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh đề nghị hiệp thương giá có quyền rút lại hồ sơ hiệp thương giá để tự thỏa thuận với nhau về mức giá mua, giá bán của hàng hóa, dịch vụ đề nghị hiệp thương giá trước khi Sở Tài chính tổ chức hiệp thương giá.

2.4. Trách nhiệm của Sở Tài chính (cơ quan tổ chức hiệp thương giá):

a) Trước thời điểm tổ chức hiệp thương giá, Sở Tài chính phải tiến hành thu thập, phân tích những thông tin cần thiết có liên quan đến hàng hóa, dịch vụ hiệp thương giá; phân tích các yếu tố hình thành giá ảnh hưởng đến bên bán và bên mua, tạo điều kiện để cho hai bên mua và bán thỏa thuận thống nhất với nhau về mức giá tại Hội nghị hiệp thương giá.

b) Quyết định mức giá do các bên thỏa thuận thống nhất khi hiệp thương giá hoặc quyết định mức giá tạm thời trong trường hợp các bên không thống nhất được mức giá để bên mua và bên bán thi hành theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 75/2008/NĐ-CP.

Điều 16. Kết quả hiệp thương giá

1. Kết quả hiệp thương giá được thực hiện theo quy định tại Điều 12 của Pháp lệnh giá. Trường hợp đã tổ chức hiệp thương giá mà hai bên mua và bán không thống nhất được mức giá thì Sở Tài chính quyết định mức giá tạm thời để hai bên thi hành.

4. Trình tự, thủ tục, thời hạn và thẩm quyền kiểm soát các yếu tố hình thành giá thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 22a thuộc khoản 10 Điều 1 Nghị định số 75/2008/NĐ-CP.

5. Việc xử lý các hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân khi quy định giá hàng hoá, dịch vụ không đúng với các yếu tố hình thành giá theo các quy định về tính giá hàng hoá, dịch vụ của Bộ Tài chính và của cơ quan có thẩm quyền; không đúng với quy định của pháp luật về *hạch toán chi phí sản xuất, giá thành, phí lưu thông* và các quy định của pháp luật có liên quan, thì thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 22a thuộc khoản 10 Điều 1 Nghị định số 75/2008/NĐ-CP và các biện pháp về kinh tế, hành chính quy định tại Điều 2 Thông tư 122/2010/TT-BTC, cụ thể như sau:

- Xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá và những quy định của pháp luật có liên quan;

- Đình chỉ việc thực hiện giá hàng hóa, dịch vụ do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quyết định không hợp lý so với các quy định hiện hành; yêu cầu tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải mua, bán theo đúng giá do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định hoặc do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quyết định trước khi tăng giá hoặc giảm giá bất hợp lý;

- Thu phần chênh lệch giá do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quy định giá cao không đúng với các yếu tố hình thành giá vào Ngân sách nhà nước;

- Yêu cầu tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh điều chỉnh giá bán hàng hoá, dịch vụ phù hợp với các yếu tố hình thành giá sau khi đã loại trừ những yếu tố tính toán không đúng với quy định của pháp luật và thực hiện bán hàng hóa, dịch vụ theo giá đã điều chỉnh;

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, các loại giấy phép kinh doanh được cấp có thời hạn hoặc không có thời hạn theo quy định của pháp luật;

- Trường hợp hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự, các cơ quan có thẩm quyền kiểm soát các yếu tố hình thành giá quy định tại Nghị định số 75/2008/NĐ-CP chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Cơ quan có thẩm quyền kiểm soát các yếu tố hình thành giá tại địa phương

1. Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa kiểm soát các yếu tố hình thành giá đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của UBND tỉnh; hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục thực hiện bình ổn giá thuộc thẩm quyền quy định của UBND tỉnh.

2. Các Sở, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa, các tổ chức sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh khi nhận được yêu cầu bằng văn bản về kiểm soát các yếu tố hình thành giá của Sở Tài chính

2. Quyết định giá tạm thời do Sở Tài chính công bố có hiệu lực thi hành tối đa là 6 tháng. Trong thời gian thi hành quyết định giá tạm thời các bên được quyền thỏa thuận giá mua, giá bán.

a) Nếu các bên thỏa thuận được giá thì thực hiện theo giá thỏa thuận và có trách nhiệm báo cáo cho Sở Tài chính biết mức giá đã thỏa thuận, thời gian thực hiện.

b) Hết thời hạn 6 tháng, nếu các bên không thỏa thuận được giá thì Sở Tài chính sẽ tổ chức hiệp thương giá theo quy định tại Điều 15 Quy định này và trong thời gian tổ chức hiệp thương, các bên vẫn tiếp tục thực hiện theo Quyết định giá tạm thời.

Chương VI

KIỂM SOÁT CÁC YẾU TỐ HÌNH THÀNH GIÁ

Điều 17. Việc kiểm soát các yếu tố hình thành giá

1. Khi giá hàng hóa, dịch vụ trên thị trường có biến động bất thường theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 122/2010/TT-BTC hoặc khi cần thiết phải kiểm soát giá theo yêu cầu quản lý Nhà nước về giá, cơ quan có thẩm quyền quyết định biện pháp kiểm soát các yếu tố hình thành giá.

2. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc diện phải kiểm soát các yếu tố hình thành giá bao gồm:

a) Hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Nhà nước quy định tại khoản 4, Điều 1, Nghị định số 75/2008/NĐ-CP.

b) Hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục thực hiện bình ổn giá quy định tại Điều 2 Thông tư 122/2010/TT-BTC (riêng mặt hàng khí hoá lỏng là khí dầu mỏ hoá lỏng - LPG).

c) Hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải đăng ký giá, kê khai giá quy định tại Thông tư số 122/2010/TT-BTC.

d) Hàng hoá, dịch vụ phải kiểm soát các yếu tố hình thành giá theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng các Bộ hoặc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong trường hợp hàng hoá, dịch vụ có giá bán trên thị trường quá cao hoặc quá thấp bất hợp lý so với mức giá được tính theo đúng các chế độ, chính sách, các định mức kinh tế - kỹ thuật, các quy định về tính giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành làm ảnh hưởng đến phát triển kinh tế, xã hội và quyền lợi của người tiêu dùng.

3. Căn cứ để cơ quan có thẩm quyền kiểm soát các yếu tố hình thành giá hàng hoá, dịch vụ là các văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Tài chính, của cơ quan có thẩm quyền ban hành về quy chế tính giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ, về hạch toán chi phí sản xuất, giá thành, phí lưu thông của hàng hoá, dịch vụ và quy định của pháp luật có liên quan.

có trách nhiệm phối hợp và cung cấp kịp thời, chính xác, đầy đủ số liệu, tài liệu liên quan theo quy định tại Điều 17 của Quy định này.

Chương VII

ĐĂNG KÝ GIÁ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ

Điều 19. Danh mục hàng hóa, dịch vụ, đối tượng phải đăng ký giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký giá

Đăng ký giá là việc các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải đăng ký mức giá bán hàng hoá, dịch vụ do mình quyết định theo quy định bắt buộc và thường xuyên cả khi các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quyết định giá hoặc điều chỉnh giá trong điều kiện giá thị trường có biến động bất thường và khi giá cả vận động bình thường đối với các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy định này.

Việc đăng ký giá được thực hiện trước khi các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh bán sản phẩm lần đầu sản xuất, kinh doanh ra thị trường; trước khi điều chỉnh giá các sản phẩm đã sản xuất, kinh doanh và đang bán bình thường thuộc danh mục phải đăng ký giá hoặc khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Đối tượng thực hiện đăng ký giá

a) Các tổ chức sản xuất, kinh doanh (tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước độc lập trực thuộc các Bộ, UBND tỉnh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp tư nhân...) có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh sản xuất, kinh doanh các hàng hóa dịch vụ nằm trong danh mục tại Phụ lục 1 kèm theo Quy định này phải thực hiện đăng ký giá nhập khẩu, giá bán buôn, giá bán lẻ, giá bán lẻ khuyến nghị áp dụng thống nhất trong cả nước hoặc theo từng thị trường khu vực chính, cụ thể như sau:

- Trường hợp tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chỉ thực hiện bán buôn thì đăng ký giá bán buôn;

- Trường hợp tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ vừa thực hiện bán buôn, vừa thực hiện bán lẻ thì đăng ký cả giá bán buôn và giá bán lẻ;

- Trường hợp tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ là đơn vị nhập khẩu, đồng thời là nhà phân phối độc quyền thì phải đăng ký giá nhập khẩu, giá bán buôn và giá bán lẻ khuyến nghị;

- Trường hợp tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ là nhà phân phối độc quyền, tổng đại lý thì phải đăng ký giá bán buôn và giá bán lẻ khuyến nghị.

b) Tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng quy định tại Điều 7 và Điều 8 Thông tư số 122/2010/TT-BTC thì không phải thực hiện đăng ký giá, kê khai giá mà thực hiện niêm yết giá và công khai thông tin về giá theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 20. Thời điểm, hình thức, nội dung và thủ tục đăng ký giá

1. Thời điểm đăng ký giá:

Trước khi tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh bán hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục đăng ký giá theo giá mới thì tổ chức sản xuất, kinh doanh phải thực hiện lập Biểu mẫu đăng ký giá gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá.

2. Hình thức, thủ tục đăng ký giá:

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực hiện việc đăng ký giá dưới hình thức gửi các Biểu mẫu đăng ký giá đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá. Đăng ký giá gồm đăng ký giá lần đầu và đăng ký lại giá:

a) Đăng ký giá lần đầu được thực hiện trước khi tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh lần đầu tiên bán hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục phải đăng ký giá ra thị trường hoặc lần đầu tiên tổ chức sản xuất, kinh doanh thực hiện đăng ký giá theo quy định của pháp luật.

b) Đăng ký lại giá được thực hiện khi tổ chức sản xuất, kinh doanh điều chỉnh tăng hoặc giảm giá so với mức giá của lần đăng ký trước liền kề hoặc khi có yêu cầu đăng ký lại giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nếu việc đăng ký giá lần đầu và đăng ký lại giá so với lần đăng ký trước liền kề của tổ chức sản xuất, kinh doanh chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật.

3. Nội dung Biểu mẫu đăng ký giá:

- Văn bản đăng ký giá của tổ chức sản xuất, kinh doanh, trong đó nêu rõ dự kiến thời gian có hiệu lực của mức giá đăng ký;

- Bảng đăng ký mức giá cụ thể gắn với chất lượng hàng hoá, dịch vụ; địa điểm bán hàng. Mức giá đăng ký là giá do tổ chức sản xuất, kinh doanh tính toán theo quy định về tính giá tài sản, hàng hoá, dịch vụ đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật;

- Thuyết minh cơ cấu tính giá theo các yếu tố hình thành giá.

Biểu mẫu đăng ký giá quy định tại Phụ lục IV kèm theo Quy định này.

4. Cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá và đối tượng phải đăng ký giá

Sở Tài chính chủ trì tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá của các tổ chức quy định tại điểm 2 của Điều này.

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan đóng trên địa bàn tỉnh báo cáo UBND tỉnh quyết định và thông báo cụ thể danh sách các tổ chức đóng trên địa bàn tỉnh thực hiện đăng ký giá quy định tại khoản này cho phù hợp trong từng thời kỳ; đồng thời có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng đăng ký giá thực hiện đúng Quy định này.

Điều 21. Quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân

1. Đối với cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá:

a) Cơ quan chủ trì khi tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá của các tổ chức sản xuất, kinh doanh phải ghi ngày, tháng, năm nhận văn bản, Biểu mẫu và đóng dấu đến vào văn bản đăng ký giá theo thủ tục hành chính; đồng thời có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của Biểu mẫu, rà soát nội dung Biểu mẫu đăng ký giá hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh:

- Trường hợp các Biểu mẫu được lập không đúng quy định tại Phụ lục V kèm theo Quy định này thì chậm nhất sau hai (02) ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo dấu tiếp nhận công văn đến của cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá) phải có công văn chuyển trả Biểu mẫu lại tổ chức sản xuất, kinh doanh yêu cầu để tổ chức hoàn thiện Biểu mẫu.

- Khi phát hiện mức giá đăng ký trong Biểu mẫu đăng ký giá có các yếu tố hình thành giá không hợp lý, cơ quan chủ trì tiếp nhận Biểu mẫu thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức sản xuất, kinh doanh giải trình mức giá đăng ký và thực hiện lại việc đăng ký giá.

- Tổ chức sản xuất, kinh doanh không thực hiện việc đăng ký lại giá mà tự ý bán hàng hóa, dịch vụ cao hơn mức giá đã đăng ký thì cơ quan chủ trì tiếp nhận hồ sơ đăng ký giá có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tiếp tục bán hàng theo mức giá trước khi tự ý tăng giá mà không đăng ký lại.

b) Nếu tổ chức sản xuất, kinh doanh không thực hiện quy định trên, ngoài việc bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đăng ký giá; cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra có quyền xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của Nhà nước.

c) Mức giá do tổ chức sản xuất, kinh doanh đăng ký được các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong lĩnh vực giá sử dụng vào mục đích phân tích, tổng hợp, dự báo biến động giá cả thị trường; kiểm soát các yếu tố hình thành giá, phục vụ mục tiêu bình ổn giá.

2. Đối với tổ chức sản xuất, kinh doanh đăng ký giá:

a) Tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục đăng ký giá có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký giá theo quy định tại Điều 19 của Quy định này.

Biểu mẫu đăng ký giá được lập ít nhất là 01 (một) bộ gửi cơ quan chủ trì tiếp nhận đăng ký giá (trừ những loại hàng hoá, dịch vụ phải đăng ký giá mà Liên Bộ hoặc Bộ quản lý chuyên ngành đã có quy định khác).

b) Tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ phải thực hiện đăng ký giá được quyền bán hàng hoá, dịch vụ theo giá đã đăng ký theo quy định của

pháp luật và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về mức giá đăng ký và bị xử lý theo pháp luật đối với các hành vi vi phạm về đăng ký giá.

c) Công bố công khai thông tin về giá; niêm yết giá bán đã đăng ký hợp lệ theo Quy định này, công khai trong toàn hệ thống, thực hiện đúng giá niêm yết, đồng thời phải chấp hành các biện pháp bình ổn giá theo quy định của pháp luật khi thị trường có biến động bất thường.

Chương VIII

KÊ KHAI GIÁ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ

Điều 22. Danh mục hàng hóa, dịch vụ, đối tượng phải kê khai giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ phải kê khai giá

Kê khai giá là việc các tổ chức sản xuất, kinh doanh phải kê khai mức giá bán hàng hoá, dịch vụ do mình quyết định theo quy định bắt buộc và thường xuyên đối với các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải kê khai giá quy định tại Phụ lục số II kèm theo Quy định này.

- Kê khai giá lần đầu được thực hiện trước khi tổ chức sản xuất, kinh doanh lần đầu tiên bán hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục phải kê khai giá ra thị trường hoặc lần đầu tiên tổ chức sản xuất, kinh doanh thực hiện kê khai giá theo quy định của pháp luật.

- Kê khai lại giá được thực hiện khi tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh điều chỉnh tăng hoặc giảm giá so với mức giá của lần kê khai trước liền kề hoặc khi có yêu cầu kê khai lại giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Đối tượng thực hiện kê khai giá

Các tổ chức sản xuất, kinh doanh (tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước độc lập trực thuộc các Bộ, UBND tỉnh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp tư nhân...) có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải kê khai giá quy định tại Phụ lục II kèm theo Quy định này phải thực hiện kê khai giá nhập khẩu, giá bán buôn, giá bán lẻ, giá bán lẻ khuyến nghị áp dụng thống nhất trong cả nước hoặc theo từng thị trường khu vực chính, cụ thể như sau:

- Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chỉ thực hiện bán buôn thì thực hiện kê khai giá bán buôn;

- Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ vừa thực hiện bán buôn, vừa thực hiện bán lẻ thì thực hiện kê khai cả giá bán buôn và giá bán lẻ;

- Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ là đơn vị nhập khẩu, đồng thời là nhà phân phối độc quyền thì phải kê khai giá nhập khẩu, giá bán buôn và giá bán lẻ khuyến nghị;

- Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ là nhà phân phối độc quyền, tổng đại lý thì phải kê khai giá bán buôn và giá bán lẻ khuyến nghị.

Các tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng quy định tại Quy định này thì không phải thực hiện kê khai giá mà thực hiện niêm yết giá và công khai thông tin về giá theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 23. Thời điểm, hình thức, nội dung và thủ tục và Biểu mẫu kê khai giá

1. Thời điểm kê khai giá:

Trước khi tổ chức sản xuất, kinh doanh bán hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục kê khai giá theo giá mới thì tổ chức sản xuất, kinh doanh phải thực hiện kê khai giá.

2. Hình thức, thủ tục kê khai giá:

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực hiện việc kê khai giá dưới hình thức lập Biểu mẫu kê khai giá gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận Biểu mẫu kê khai giá. Kê khai giá gồm kê khai giá lần đầu và kê khai lại giá:

3. Biểu mẫu kê khai giá gồm có:

- Văn bản kê khai giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh; trong đó nêu rõ thời gian thực hiện của mức giá kê khai;

- Bảng kê khai giá bán. Mức giá kê khai là giá do tổ chức sản xuất, kinh doanh quyết định theo các quy định về tính giá tài sản, hàng hoá, dịch vụ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành phù hợp với quy cách, tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa, dịch vụ (hoặc mức giá mà tổ chức sản xuất, kinh doanh đã thỏa thuận được với khách hàng).

Biểu mẫu kê khai giá quy định tại Phụ lục VI kèm theo Quy định này.

4. Cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu kê khai giá và đối tượng phải kê khai giá

Sở Tài chính chủ trì tiếp nhận Biểu mẫu kê khai giá.

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan đóng trên địa bàn tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và thông báo danh sách các tổ chức, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh phải thực hiện kê khai giá đúng quy định tại khoản này cho phù hợp trong từng thời kỳ; đồng thời có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng kê khai giá thực hiện đúng Quy định này.

Điều 24. Quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân

1. Đối với cơ quan nhận tiếp nhận Biểu mẫu kê khai giá:

a) Sở Tài chính, Sở quản lý chuyên ngành khi nhận được Biểu mẫu kê khai giá hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phải

ghi ngày, tháng, năm nhận văn bản, biểu mẫu và đóng dấu đến vào văn bản kê khai giá theo thủ tục hành chính và gửi lại cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh 1 bản.

b) Thực hiện việc rà soát mức giá kê khai; nếu phát hiện mức giá kê khai không hợp lý thì cơ quan chủ trì tiếp nhận Biểu mẫu kê khai giá có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh kê khai giá giải trình hoặc kê khai lại giá.

c) Mức giá do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh kê khai được các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý giá sử dụng vào mục đích phân tích, tổng hợp, dự báo biến động giá cả thị trường; kiểm soát các yếu tố hình thành giá, phục vụ mục tiêu bình ổn giá.

2. Đối với tổ chức sản xuất, kinh doanh kê khai giá:

a) Tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục kê khai giá có trách nhiệm thực hiện việc kê khai giá theo Quy định này.

Biểu mẫu kê khai giá được lập ít nhất là 02 (hai) bộ gửi cơ quan chủ trì tiếp nhận Biểu mẫu kê khai giá (trừ những loại hàng hoá, dịch vụ phải kê khai giá mà Liên Bộ hoặc Bộ quản lý chuyên ngành đã có quy định khác).

b) Tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ phải thực hiện kê khai giá được quyền bán hàng hóa, dịch vụ theo giá đã kê khai theo quy định của pháp luật; phải công bố công khai thông tin về giá và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn đối với các mức giá đã kê khai.

c) Tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải kê khai giá có trách nhiệm thực hiện việc giải trình hoặc kê khai lại giá nếu cơ quan chủ trì tiếp nhận kê khai giá phát hiện mức giá kê khai không hợp lý và có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh kê khai giá giải trình hoặc kê khai lại giá.

d) Tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải kê khai giá không chấp hành việc kê khai giá hoặc có hành vi vi phạm quy định về kê khai giá thì ngoài việc bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kê khai giá; cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra có quyền xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của Nhà nước.

Chương IX QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 25. Công khai thông tin về giá

1. Phạm vi công khai thông tin về giá

Cơ quan quản lý Nhà nước về giá có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tài sản, hàng hoá, dịch vụ có trách nhiệm công khai những thông tin về giá, bao gồm:

a) Các chủ trương, chính sách, biện pháp quản lý giá của Nhà nước;

b) Các quyết định giá của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

c) Các mức giá do doanh nghiệp quyết định và các thông tin kinh tế - kỹ thuật liên quan đến hàng hoá, dịch vụ.

Những quy định công khai thông tin về giá không áp dụng đối với những thông tin không được phép công khai theo quy định của pháp luật.

2. Các hình thức công khai:

a) Hợp báo;

b) Đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng;

c) Niêm yết giá theo quy định;

d) Các hình thức khác;

e) Đối với hàng hoá, dịch vụ thực hiện khuyến mại giảm giá thực hiện theo quy định của Luật Thương mại.

3. Trách nhiệm trong việc công khai thông tin về giá:

a) Cơ quan quản lý Nhà nước có trách nhiệm công khai các văn bản về chế độ, chính sách giá, các quyết định giá hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền;

b) Doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có trách nhiệm công khai giá hàng hoá, dịch vụ do doanh nghiệp sản xuất, cung ứng;

c) Cơ quan thông tin, truyền thông có trách nhiệm đưa tin chính xác, khách quan, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin theo các quy định hiện hành.

Điều 26. Thông tin giá cả thị trường

1. Sở Tài chính tổ chức thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình giá cả thị trường theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, các Bộ ngành có liên quan, Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo giá cả thị trường định kỳ hoặc đột xuất về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài chính.

Điều 27. Kiểm tra, thanh tra về giá

1. Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo, quyết định kiểm tra, thanh tra các tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai chấp hành các quy định của pháp luật về giá và các quy định khác của pháp luật có liên quan đến quản lý Nhà nước về giá tại địa phương.

2. Sở Tài chính tổ chức thực hiện quyết định của Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Tài chính, các Bộ có liên quan, Chủ tịch UBND tỉnh về kiểm tra, thanh tra các tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai chấp hành các quy định của pháp luật về giá và các quy định khác của pháp luật có liên quan đến quản lý Nhà nước về giá tại địa phương; kiến nghị cấp có thẩm quyền hoặc xử lý vi phạm pháp luật về giá theo thẩm quyền.

Điều 28. Xử lý các vi phạm trong lĩnh vực giá

Việc xử lý các vi phạm trong lĩnh vực giá thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá và những quy định của pháp luật có liên quan.

Chương X

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 29. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa có trách nhiệm để tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về giá theo ngành và theo địa phương, bố trí đủ cán bộ có đủ điều kiện hoàn thành các nhiệm vụ quản lý giá trên địa bàn theo Pháp lệnh Giá.

Điều 30. Trong quá trình thực hiện quy định này, nếu có vướng mắc, các tổ chức và cá nhân có liên quan báo cáo về Sở Tài chính để Sở Tài chính tập hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Tài chính xem xét giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Minh Phúc
Trần Minh Phúc



Phụ lục số I

DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THỰC HIỆN ĐĂNG KÝ GIÁ

(Kèm theo Quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được ban hành kèm theo Quyết định số 06 /2011/QĐ-UBND ngày 25/01/2011 của UBND tỉnh)

1. Xăng, dầu;
2. Xi măng;
3. Thép xây dựng;
4. Khí hóa lỏng;
5. Nước sạch cho sản xuất công nghiệp, kinh doanh dịch vụ;
6. Phân bón hóa học: phân U rê, DAP, NPK, phân Lân;
7. Thuốc bảo vệ thực vật: (tên gốc và tên thương mại)
 - + Thuốc trừ sâu: Fenobucarb (min 96%), Etofenrox (min 96%), Buprofezin (min 98%), Imidacloprid (min 96%), Fipronil (min 96%);
 - + Thuốc trừ bệnh: Isoprothiolane (min 96%), Tricyclazole (min 95%), Kasugamycin (min 70%);
 - + Thuốc trừ cỏ: Glyphosate (min 95%), Pretilachlor, Quinclorac (min 99%).
8. Thuốc thú y: Vac xin lở mồm long móng; vac xin cúm gia cầm; các loại kháng sinh: Oxytetracycline, Ampicilline, Tylosin, Enrofloxacin dạng thuốc tiêm, thuốc viên, thuốc bột (tên gốc và tên thương mại), Oxytetracycline dạng bột trộn thức ăn gia súc.
9. Muối ăn do các doanh nghiệp kinh doanh đăng ký;
10. Sữa bột cho trẻ em dưới 6 tuổi;
11. Đường ăn: đường trắng và đường tinh luyện;
12. Gạo do các doanh nghiệp kinh doanh đăng ký;
13. Thức ăn chăn nuôi gia súc: ngô, đậu tương, khô dầu đậu tương do các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thức ăn chăn nuôi đăng ký;
14. Than;
15. Giấy: giấy in, giấy in báo, giấy viết;
16. Cước vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng;
17. Dịch vụ bưu chính viễn thông theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Thông tư số 02/2007/TT-BTTTT ngày 13/12/2007;
18. Sách giáo khoa;
19. Giá vé máy bay trên các đường bay nội địa không thuộc danh mục nhà nước quy định khung giá.



Phụ lục số II

DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THỰC HIỆN KÊ KHAI GIÁ

*(Kèm theo Quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được ban hành
kèm theo Quyết định số 06/2011/QĐ-UBND ngày 25/01/2011 của UBND tỉnh)*

1. Vật liệu nổ công nghiệp;
2. Cước vận tải bằng ô tô thực hiện theo Thông tư liên tịch số 86/TTLT/BTC-BGTVT ngày 18/7/2007 và Thông tư số 129/2010/TTLB-BTC-BGTVT ngày 27/8/2010 của liên Bộ Tài chính, Bộ Giao thông Vận tải hướng dẫn về thực hiện giá cước vận tải.
3. Thuốc phòng, chữa bệnh cho người theo quy định tại Thông tư liên tịch số 11/TTLT/BYT-BTC-BCT ngày 31/8/2007 của liên Bộ Y tế - Bộ Tài chính - Bộ Công thương hướng dẫn thực hiện quản lý Nhà nước về giá thuốc phòng, chữa bệnh.
4. Đá xây dựng các loại;
5. Cát xây dựng;
6. Gạch xây, ngói;
7. Giá cà phê xô do các doanh nghiệp kinh doanh đăng ký;
8. Giá mía cây do các doanh nghiệp kinh doanh đăng ký;
9. Giá thịt gà do các doanh nghiệp kinh doanh đăng ký;
10. Giá thịt heo do các doanh nghiệp kinh doanh đăng ký;
11. Giá cho thuê đất, phí hạ tầng của các Công ty kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp.

Phụ lục III:

(kèm theo quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được ban hành kèm theo Quyết định số 06/2011/QĐ-UBND ngày 25/01/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai)

**Tên đơn vị đề nghị
định giá, điều chỉnh giá**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngàytháng năm

HỒ SƠ PHƯƠNG ÁN GIÁ

Tên hàng hóa, dịch vụ:.....

Tên đơn vị sản xuất, kinh doanh:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....

Số Fax:

Phụ lục IV:

(kèm theo quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được ban hành kèm theo Quyết định số 06/2011/QĐ-UBND ngày 25/01/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai)

**Tên đơn vị đề nghị
hiệp thương giá**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngàytháng năm

HỒ SƠ HIỆP THƯƠNG GIÁ

Tên hàng hóa, dịch vụ:.....
Tên đơn vị sản xuất, kinh doanh:.....
Địa chỉ:.....
Số điện thoại:.....
Số Fax:

Phụ lục V:

BIỂU MẪU ĐĂNG KÝ GIÁ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2011/QĐ-UBND ngày /01/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai)

**Tên đơn vị
thực hiện đăng ký giá**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngàytháng năm.....

Kính gửi:(Tên cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá)

Thực hiện quy định tại Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá, Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP,

... (tên đơn vị đăng ký) gửi Biểu mẫu đăng ký giá gồm các văn bản và nội dung sau:

1. Bảng đăng ký mức giá bán cụ thể.
2. Giải trình lý do điều chỉnh giá (trong đó có việc tính mức giá cụ thể áp dụng theo các hướng dẫn, quy định về Quy chế tính giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành)

Mức giá bán đăng ký này thực hiện từ ngày ... / ... /.....

... (tên đơn vị đăng ký) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn của mức giá mà chúng tôi đã đăng ký./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

**Ghi nhận ngày nộp Biểu mẫu đăng ký giá
của cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá**

*(Cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá ghi ngày, tháng, năm
nhận được Biểu mẫu đăng ký giá và đóng dấu công văn đến)*

Phụ lục VI:

BIỂU MẪU KÊ KHAI GIÁ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 06/2011/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 01 năm 2011 của UBND tỉnh Đồng Nai)*

**Tên đơn vị thực hiện
kê khai giá**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/.....
V/v kê khai giá

....., ngày ... tháng ... năm

Kính gửi:(tên cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu kê khai giá....)

Thực hiện quy định tại Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá, Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ...,

... (tên đơn vị kê khai giá) gửi Bảng kê khai mức giá hàng hoá, dịch vụ (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày / /

... (tên đơn vị kê khai giá) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi nhận ngày nộp Biểu mẫu kê khai giá
của cơ quan tiếp nhận
*(Cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu kê khai giá ghi ngày, tháng, năm
nhận được Biểu mẫu kê khai giá và đóng dấu công văn đến)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

[illegible]

2/ Phân tích nguyên nhân điều chỉnh tăng/giảm giá kê khai của từng mặt hàng.

.....

.....

.....

.....

Tên đơn vị thực hiện
đăng ký giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -- Tự do -- Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ GIÁ**
(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Đơn vị sản xuất, kinh doanh:

Quy cách phẩm chất:

BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

STT	Khoản mục chi phí	Số tiền (đ)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần đăng ký trước liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)		
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp		
	Chi phí nhân công trực tiếp		
	Chi phí sản xuất chung		
2	Chi phí bán hàng		
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Tổng giá thành toàn bộ		
4	Lợi nhuận dự kiến		
	Giá bán chưa thuế		
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)		
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)		
	Giá bán (đã có thuế)		

(*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hoá nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG ĐĂNG KÝ MỨC GIÁ BÁN CỤ THỂ

Doanh nghiệp là đơn vị (sản xuất hay dịch vụ).....

Đăng ký giá (nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ):.....cụ thể như sau:

[illegible]

Tên đơn vị đề nghị
hiệp thương giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

PHƯƠNG ÁN GIÁ HIỆP THƯƠNG
(kèm theo công văn số/... ngày/.../... của ...)

Tên hàng hóa đề nghị hiệp thương giá:

Đơn vị sản xuất, kinh doanh:

Quy cách phẩm chất:

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

STT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Lượng	Đơn giá	Thành tiền	So sánh với phương án hiệp thương thành công lần trước liền kề
1	Chi phí sản xuất					
1.1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp					
1.2	Chi phí nhân công trực tiếp					
1.3	Chi phí sản xuất chung					
a	Chi phí nhân viên phân xưởng					
b	Chi phí vật liệu					
c	Chi phí dụng cụ sản xuất					
d	Chi phí khấu hao TSCĐ					
đ	Chi phí dịch vụ mua ngoài					
e	Chi phí bằng tiền khác					
	Tổng chi phí sản xuất					
2	Chi phí bán hàng					
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp					
	Tổng giá thành toàn bộ					
4	Lợi nhuận dự kiến					
	Giá bán chưa thuế					
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)					

6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)					
	Giá bán (đã có thuế)					

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ

1. Chi phí sản xuất
2. Chi phí bán hàng
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp
4. Lợi nhuận dự kiến
5. Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
6. Thuế giá trị gia tăng (nếu có)
7. Giá bán (đã có thuế)

8. Phân tích cơ cấu tính giá, mức giá của phương án kiến nghị so với phương án giá hiệp thương thành công lần trước liền kề; nêu rõ nguyên nhân tăng, giảm; kiến nghị.

(*Ghi chú:* Khi xây dựng phương án giá hiệp thương phải áp dụng theo Quy chế tính giá của cơ quan có thẩm quyền ban hành).

Tên đơn vị đề nghị định
giá, điều chỉnh giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

PHƯƠNG ÁN GIÁ

(Đối với hàng hóa, dịch vụ sản xuất trong nước)

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Đơn vị sản xuất:

Quy cách phẩm chất:

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

STT	Khoản mục chi phí	Đơn vị tính	Lượng	Đơn giá	Thành tiền	So sánh với phương án được duyệt lần trước liền kề
1	Chi phí sản xuất:					
1.1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp					
1.2	Chi phí tiền công trực tiếp					
1.3	Chi phí sản xuất chung:					
a	Chi phí nhân viên phân xưởng					
b	Chi phí vật liệu					
c	Chi phí dụng cụ sản xuất					
d	Chi phí khấu hao tài sản cố định					
đ	Chi phí dịch vụ mua ngoài					
e	Chi phí bằng tiền khác					
	Tổng chi phí sản xuất :					
2	Chi phí bán hàng (nếu có)					
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp					
	Tổng giá thành toàn bộ					
	Tổng sản lượng					
	Giá thành đơn vị sản phẩm					
4	Lợi nhuận dự kiến					
	Giá bán chưa thuế					
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)					
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)					
	Giá bán (đã có thuế)					

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

1. Chi phí sản xuất

2. Chi phí bán hàng
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp
4. Lợi nhuận dự kiến
5. Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
6. Thuế giá trị gia tăng (nếu có)
7. Giá bán (đã có thuế)

8. Phân tích cơ cấu tính giá, mức giá của phương án kiến nghị so với phương án giá được duyệt lần trước liền kề; nêu rõ nguyên nhân tăng, giảm; kiến nghị.

(*Ghi chú:* Khi tính toán, xây dựng phương án giá trình cấp có thẩm quyền quyết định phải thực hiện theo Quy chế tính giá của cơ quan có thẩm quyền ban hành).

**Tên đơn vị đề nghị
định giá, điều chỉnh giá**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số/.....
V/v thẩm định phương án giá

....., ngàytháng năm

Kính gửi: *(tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền
thẩm định phương án giá, quy định giá)*

Thực hiện quy định tại Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2008 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá, Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ và Thông tư số 122/2010/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 104/2008/TT-BTC ...,

... *(tên đơn vị đề nghị định giá, điều chỉnh giá)* đã lập phương án giá về sản phẩm.... *(tên hàng hoá, dịch vụ)* (có phương án giá kèm theo).

Đề nghị *(tên cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thẩm định phương án giá, quy định giá)* xem xét quy định giá... *(tên hàng hóa, dịch vụ)* theo quy định hiện hành của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)